TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2024/DS-PT
Ngày: 17 – 9 - 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phượng

Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Giang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 182/2024/TLPT–DS ngày 06 tháng 08 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L; cư trú tại: Ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt) và bà Bùi Thị Bé N (có mặt); cùng cư trú tại: Ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà N (theo Giấy ủy quyền ngày 20/8/2024): ông Dương Nhân H; địa chỉ: khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: Ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Lê Văn M; địa chỉ: Ấp A, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Bé N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 và trong quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2023, ông có bán thức ăn chăn nuôi vịt cho vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Bé N nhiều lần. Quá trình mua bán có lúc ông T, bà N có trả, có thiếu. Đến ngày 07/03/2023 âm lịch, ông T, bà N tính tổng số tiền còn thiếu lại là 346.000.000 đồng và có làm biên nhận có chữ ký của ông T, bà N. Đến ngày 29/06/2023, ông T, bà N tiếp tục mua 100 bao thức ăn, loại mã số 984 khối lượng tịnh 40kg, giá mỗi bao là 450.000 đồng nhưng sau đó ông, bà có trả lại 25 bao, nên chỉ tính tiền nợ 75 bao, thành tiền là 33.750.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà ông T, bà N nợ là 346.000.000 đồng + 33.750.000 đồng = 379.750.000 đồng. Ông L yêu cầu ông T, bà N trả cho ông số tiền 346.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/03/2023 âm lịch. Còn đối với số tiền 75 bao thức ăn sau thì ông chỉ yêu cầu trả 33.750.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại Bản tự khai ngày 17/01/2024 và quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Bé N trình bày:

Vợ chồng ông T, bà N thừa nhận có mua thức ăn của ông L từ năm 2019, mua theo hình thức gối đầu có trả có thiếu. Ông, bà thừa nhận vào ngày 07/03/2023 âm lịch có kết sổ lại thiếu ông L 346.000.000 đồng và làm biên nhận nợ như ông L trình bày. Sau đó, ông bà tiếp tục mua thêm của ông L 75 bao thức ăn, loại mã số 984 khối lượng tịnh 40kg, giá mỗi bao là 450.000 đồng, thành tiền là 33.750.000 đồng. Lần mua sau này ông, bà đã trả xong cho ông L nên không đồng ý trả số tiền 33.750.000 đồng.

Đối với số tiền 346.000.000 đồng thì ông, bà đồng ý trả nhưng không đồng ý trả lãi do ông L bán thức ăn đã có lãi rồi. Mặt khác, ông L bán thức ăn của Công ty TNHH T2 (viết tắt là Công ty) không đảm bảo chất lượng nên đàn vịt của ông, bà bị ảnh hưởng từ 4.300 con xuống còn 3.700 con, thiệt hại vịt không đẻ, tổng số tiền thiệt hại là 534.580.000 đồng. Ông, bà yêu cầu ông L và Công ty xem xét đàn vịt cho thoả đáng. Tuy nhiên, ông, bà không có yêu cầu phản tố, yêu cầu bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu ông L và Công ty giải quyết thoả đáng cho ông, bà.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/04/202,4 người làm chứng ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông là anh ruột của ông T, anh chồng của bà N, không có bà con gì với ông L. Vào năm 2023, ông có nuôi vịt đẻ và có mua thức ăn của ông L theo hình thức gối đầu. Cùng thời gian này ông T và bà N cũng nuôi vịt đẻ và

cũng mua thức ăn của ông L. Ông có nghe ông L nói bán 100 bao thức ăn vịt cho ông T, bà N theo hình thức gối đầu, còn việc ông L giao thức ăn cho ông T, bà N thì ông không thấy, việc ông T, bà N có trả tiền cho ông L hay không thì ông không biết. Do vịt của ông T, bà N ăn không hết thức ăn nên ông L có nói với ông chở về 25 bao, chỉ bán cho ông T, bà N 75 bao. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/04/2024, người làm chứng ông Lê Văn M trình bày: Ông là cháu rể của ông L, không có bà con gì với ông T, bà N. Năm 2023, ông giữ vịt thuê cho ông T, bà N, vịt được cầm tại nhà ông. Ông L có bán cho ông T, bà N 100 bao thức ăn theo hình thức gối đầu, tức là vịt ăn hết 100 bao thức ăn thì ông T, bà N trả tiền rồi lấy thức ăn mới. Khi ông L giao 100 bao thức ăn thì giao tại nhà ông, có mặt ông và ông T là người trực tiếp nhận. Tại thời điểm giao nhận thức ăn thì ông T, bà N chưa trả tiền cho ông L, còn sau này có trả tiền hay không thì ông không biết. Sau đó ông có nghe ông L nói có đến nhà ông T, bà N chở về 25 bao thức ăn, còn lý do gì chở thức ăn về thì ông không biết. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị B Năm trả tiền mua thức ăn còn nợ là 417.368.400 đồng (bốn trăm mười bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L số tiền 417.368.400 đồng, trong đó vốn là 379.750.000 đồng, lãi là 37.618.400 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Bé N có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 75 bao thức ăn với số tiền 33.750.000 đồng; yêu cầu cấp phúc thẩm không tính lãi từ khi viết biên nhận ngày 07/03/2023 âm lịch với số tiền 37.618.400 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện bị đơn là ông H trình bày:

- Về lãi: Theo hợp đồng mua bán đã tính lãi trong quá trình mua bán, bị đơn đề nghị ông L giảm số tiền lãi nhưng ông L không chấp nhận nên phía bị đơn chấp nhận trả lãi.

- Về yêu cầu khởi kiện trả 75 bao thức ăn, đơn khởi kiện của nguyên đơn chỉ cung cấp cấp Biên nhận đối với số tiền 346 triệu đồng, còn đối với 75 bao thức ăn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận. Đối với lần giao thức ăn sau cùng thì bị đơn đã trả tiền trước rồi mới giao thức ăn, còn việc trả lại 25 bao thức ăn thì lý do không cấn trừ lại số tiền đã trả trước là do bị đơn còn nợ số tiền 346 triệu đồng nên không thực hiện cấn trừ.

- Ông L trình bày không đồng ý yêu cầu giảm lãi của bị đơn. Còn đối với lần giao 75 bao thức ăn sau cùng thì bị đơn không có trả tiền cho ông, lý do ông đồng ý tiếp tục giao thêm 75 bao thức ăn là do quen biết lâu năm nên mới đồng ý giao thêm. Ông Luận đề n giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

- *Về chấp hành pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: căn cứ vào biên nhận ngày 07/3/2023 (bút lục 02) âm lịch ông T, bà N thừa nhận có nợ ông L 346.000.000 đồng, số tiền này tới đây tiếp lãi anh 5 Luận. Như vậy, khi ông L và ông T, bà N kết nợ thì ông T, bà Bé N đã đồng ý trả lãi cho ông L và ông L yêu cầu tính lãi từ ngày 07/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 37.618.400 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền 75 bao thức ăn tương đương 33.750.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án ông L cho rằng sau khi kết biên nhận nợ ngày 07/3/2023 âm lịch ông tiếp tục bán cho ông T, bà N thêm 100 bao thức ăn, mỗi bao giá 450.000 đồng, do vịt của ông T, bà N ăn không hết nên ông chở về 25 bao, chỉ bán cho ông T, bà N 75 bao trị giá 33.750.000 đồng, ông T, bà N chưa trả số tiền này. Phía bị đơn ông T, bà N thừa nhận có mua của ông L 75 bao thức ăn như ông L trình bày là đúng nhưng ông T, bà N cho rằng đã trả tiền xong nhưng không có cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho nguyên đơn và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận có việc trả tiền. Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T, bà N cho rằng đã trả cho ông L 75 bao thức ăn trị giá 33.750.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Bé N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/06/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Bé N có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, nhưng vắng mặt những người làm chứng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai của những người làm chứng nên không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Bé N:

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu không tính lãi suất của số tiền 346.000.000 đồng:

[2.1.1] Các đương sự đều thống nhất từ năm 2019 ông L có bán thức ăn chăn nuôi vịt cho ông T, bà N theo hình thức trả gối đầu. Đến ngày 07/03/2023 âm lịch, giữa ông L và ông T, bà N kết sổ lại thì ông T, bà N còn nợ ông L số tiền tổng cộng là 346.000.000 đồng, có ký tên vào biên nhận nợ. Ông T, bà N thừa nhận và đồng ý trả cho ông L số tiền 346.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi và cho rằng ông L bán thức ăn đã có lãi rồi. Xét thấy tại "Biên nhận" ngày 07/03/2023 âm lịch ông T, bà N có viết *"Số tiền này tôi đây tiếp lãi anh 5 Luận",* chứng tỏ ông T, bà N đã đồng ý trả lãi trên số tiền 346.000.000 đồng cho ông L. Tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này".* Ông T, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ nên ông L yêu cầu tính lãi trên số tiền 346.000.000 đồng tính từ ngày 07/03/2023 âm lịch là có căn cứ.

[2.1.2] Giữa các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất cụ thể và khi ghi biên nhận ông T, bà N cũng không thể hiện mức lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".* Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất bằng 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 07/03/2023 âm lịch, nhằm ngày 26/04/2023 dương lịch, đến ngày xét xử sơ thẩm 29/05/2024 là 13 tháng 03 ngày với số tiền lãi là 37.618.400 đồng là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn chấp nhận việc trả lãi cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[2.2] Đối với kháng cáo không đồng ý trả tiền mua 75 bao thức ăn gia cầm với số tiền là 33.750.000 đồng:

[2.2.1] Các đương sự đều thống nhất ngày 29/06/2023, ông T, bà N tiếp tục mua thức ăn của ông L với số lượng 100 bao thức ăn, loại mã số 984, khối lượng tịnh 40kg, giá mỗi bao là 450.000 đồng. Sau đó do vịt ăn không hết nên ông T, bà N có trả lại cho ông L 25 bao. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc vợ chồng ông T, bà N có mua của ông L 75 bao thức ăn với số tiền là 33.750.000 đồng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2.2] Bị đơn ông T, bà N cho rằng đã trả xong số tiền này, căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* thì ông T, bà N phải có nghĩa vụ chứng minh. Ông T, bà N cho rằng đã thanh toán trước tiền rồi ông L mới giao thức ăn nên không có làm biên nhận nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn cho rằng ông T, bà N đã trả tiền trước khi mua, sau đó ông L mới giao 100 bao thức ăn. Tuy nhiên, vấn đề này không được ông L thừa nhận, đại diện bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy, ông T, bà N cho rằng đã trả xong tiền mua 75 bao thức ăn vào ngày 29/6/2023 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*, thì không đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo này của ông T, bà N.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ông T, bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ có giá trị chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Bé N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Bé N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Căn cứ các Điều 357, 430, 431, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L tổng số tiền 417.368.400 đồng (bốn trăm mười bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng), trong đó tiền vốn 379.750.000 đồng (ba trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi 37.618.400 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Bé N phải chịu 20.694.000 đồng (hai mươi triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Bé N phải chịu số tiền là 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T, bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010096 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Ông T, bà N đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thanh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.